

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 18/7/2022
V/v tranh chấp: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Luận và ông Nguyễn Đắc Quýnh

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyễn - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2022, tại Nhà văn hóa khu dân cư Nhân Đào, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương, Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 59/2022/TLST-HNGĐ, ngày 27/04/2022 về tranh chấp: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị T, sinh năm 1978;

ĐKKHKT: Đội 9, Đ, Q, N, Hải Dương

Hiện ở: Số nhà 47 đường Đ1, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn:* Anh Vũ Đình S, sinh năm 1966;

ĐKKHKT và chỗ ở: Đội 9, Đ, Q, N, Hải Dương

Chị T, anh S đều có mặt tại phiên tòa.

- *Những người làm chứng:*

- Ông Ngô Xuân T1, sinh năm 1967

- Bà Ngô Thị T2, sinh năm 1960.

- Ông Nguyễn Huy Đ2 – trưởng thôn Đ.

Đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị T trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Chị với anh Vũ Đình S trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu, đi đến hôn nhân và tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Nam Thanh, tỉnh Hải Hưng (nay là huyện N, tỉnh Hải Dương) vào ngày 25/12/1995. Sau khi cưới vợ chồng chung sống ở nhà bố mẹ đẻ anh S ở xã Q. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc khoảng 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, anh S thường xuyên uống rượu say rồi về đánh đập, chửi bới, xúc phạm chị. Việc anh S đánh chị có hàng xóm và con chị biết. Tháng 11/2021 chị đã làm đơn xin ly hôn nhưng sau đó anh S hứa sẽ thay đổi nên chị đã rút đơn về để cho anh S một cơ hội sửa sai và cũng là để vợ chồng có cơ hội đoàn tụ, tuy nhiên chỉ được một thời gian ngắn sau khi rút đơn anh S lại vẫn chứng nào tật nấy, vẫn chửi bới chị thậm tệ, xúc phạm danh dự của chị. Mặt khác, chị còn bị anh em anh S đánh bị thương ở phần mềm và phải nhập viện điều trị. Do không thể chung sống được với anh S nên chị buộc phải bỏ về quê ngoại ở huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương sinh sống với anh chị em ruột từ tháng 4/2022. Sau khi sức khỏe ổn định chị đã thuê trọ ở thị trấn N để tiếp tục làm ăn, sinh sống. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và đã sống ly thân nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

Về con chung: Anh chị một con chung là cháu Vũ Thị D, sinh ngày 27/4/1997. Do cháu đã trưởng thành có gia đình riêng nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh S có con riêng là Vũ Đình Q, sinh ngày 26/11/1990 với người vợ trước không liên quan đến chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp gia đình hai bên: Chị xác định đến nay vợ chồng không còn tài sản gì chung, nợ chung và công sức đóng góp gia đình hai bên cũng không có vì đã thỏa thuận, giải quyết xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bị đơn anh S trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Anh với chị Ngô Thị T trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu, đi đến hôn nhân và tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Nam Thanh, tỉnh Hải Hưng nay là huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 25/12/1995. Sau khi cưới anh chị sống ở nhà bố mẹ anh ở xã Q. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc từ năm 1995 đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, anh

chị không tin tưởng lẫn nhau trong cuộc sống. Việc chị T nói anh có đánh, chửi chị là có nhưng không phải thường xuyên. Anh S có đánh chị nhưng đánh có lý do và chủ yếu là những lúc anh uống rượu say hoặc nói chị không nghe. Anh không đánh chị đến nỗi phải nhập viện mà chỉ tát một vài cái vào người không gây thương tích gì. Việc đánh chị T anh xác định là chuyện bình thường mà gia đình nào cũng có. Chị T tự ý bỏ nhà đi chứ anh không hề đuổi. Trong thời gian chị T bỏ đi anh có đến tìm chị T nhưng chị T không muốn nói chuyện và kiên quyết không về. Nay giữa anh và chị T không còn chung sống cùng nhau, không ai còn quan tâm đến ai và đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Chị T làm đơn xin ly hôn anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, tuy nhiên anh không đồng ý ly hôn vì giữa anh và chị tuổi đã cao, con đã cái lớn và có gia đình riêng nên không cần thiết phải ly hôn. Anh tha thiết đề nghị chị T quay về đoàn tụ để giữ thể diện cho gia đình. Tuy nhiên, nếu chị T kiên quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Vũ Thị D, sinh ngày 27/4/1997. Do cháu đã trưởng thành có gia đình riêng nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh có con riêng là cháu Vũ Đình Q, sinh ngày 26/11/1990 với người vợ trước không liên quan đến chị T nên cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên: Anh S có đơn yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng ghi ngày 13/6/2022, tuy nhiên sau đó anh đã suy nghĩ lại và không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa. Anh sẽ tự thỏa thuận giải quyết với chị T và con gái là Vũ Thị D. Sau này không tự thỏa thuận giải quyết được anh sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết sau.

Lời khai của ông Ngô Xuân Tâm, bà Ngô Thị Từ là anh chị ruột của chị T cho biết việc kết hôn của chị T, anh S là tự nguyện tuy nhiên cuộc sống của anh chị không có hạnh phúc do anh S thường xuyên đánh đập chị T, buộc chị T phải nhập viện điều trị và phải về nhà ngoại ở Thanh Hà sinh sống. Khi chị T nằm viện gia đình anh S không quan tâm, hỏi han gì. Gia đình đã nhiều lần bỏ qua nhưng anh S vẫn không thay đổi nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho chị T để chị T sớm ổn định cuộc sống.

Xác minh tại chính quyền địa phương cũng như nơi cư trú của anh chị T – S thể hiện: Anh S, chị T là công dân địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q. Quá trình chung sống tại địa phương thì bản thân anh chị không có mâu thuẫn với hàng xóm láng giềng, tuy nhiên giữa anh chị có mâu thuẫn với nhau xảy ra xô xát và có lần hàng xóm cũng như trưởng thôn phải sang can

ngăn. Nay, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn thì đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị Ngô Thị T được ly hôn với anh Vũ Đình S; Về con chung: Không phải giải quyết; về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp gia đình hai bên: Không phải giải quyết; Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị Ngô Thị T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Hải Dương giải quyết vụ án hôn nhân gia đình, hiện anh S có hộ khẩu thường trú và cư trú tại xã Q, huyện N, tỉnh Hải Dương. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

Về quan hệ vợ chồng: Chị Ngô Thị T và anh Vũ Đình S có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện N, tỉnh Hải Dương. Do vậy, quan hệ hôn nhân của chị T, anh S là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian dài thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau trong cuộc sống, có sự xô xát, đánh chửi lẫn nhau. Anh S thừa nhận có việc anh đánh chị T nhưng không phải thường xuyên mà anh đánh có lý do như lúc chị T không nghe lời hoặc lúc anh đã uống rượu say. Việc anh chị đánh nhau có sự can thiệp của hàng xóm và chính quyền địa phương, anh chị thừa nhận đã sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai. Do vậy, cuộc sống vợ chồng của anh chị

không có hạnh phúc. Trong thời gian sống ly thân anh S cũng không có biện pháp nào hiệu quả để cải thiện quan hệ vợ chồng, anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn tuy nhiên anh không đồng ý ly hôn vì anh chị tuổi đã cao, con cái đã lớn có gia đình riêng nên cần giữ thể diện cho gia đình. Chị T không chấp nhận đoàn tụ với anh S và kiên quyết xin ly hôn vì chị không còn tình cảm vợ chồng với anh S, chị đã cho anh S cơ hội nhưng anh S vẫn không thay đổi tính cách. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và đã sống ly thân nên cần xử cho chị Ngô Thị T được ly hôn anh Vũ Đình S là phù hợp theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Vũ Thị D, sinh ngày 27/4/1997. Do cháu đã trưởng thành có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh S có con riêng là cháu Vũ Đình Q, sinh ngày 26/11/1990 với người vợ trước không liên quan đến chị T nên cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án chị T không yêu cầu giải quyết vì đã thỏa thuận xong. Anh S không yêu cầu giải quyết do vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị T xin ly hôn nên phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị T.

- *Về quan hệ vợ chồng:* Xử cho chị Ngô Thị T được ly hôn với anh Vũ Đình S.

- *Về con chung:* Không phải giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên:* Không phải giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Ngô Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo Biên lai thu

tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2020/0003645 ngày 27/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N. Chị T đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

Chị T, anh S có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- UBND xã Q, huyện N, tỉnh Hải Dương để lưu hồ tịch;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Điệp